

**NHỮNG VĂN BẢN PHÁP LUẬT
ĐƯỢC BAN HÀNH TỪ NGÀY 01/04/2026 ĐẾN NGÀY 30/04/2026**

-----❧-----

STT	Tên văn bản	Thông tin văn bản	Nội dung chính
NGÀY 01/04/2026			
KHÔNG CÓ VĂN BẢN QUAN TRỌNG			
NGÀY 02/04/2026			
KHÔNG CÓ VĂN BẢN QUAN TRỌNG			
NGÀY 03/04/2026			
KHÔNG CÓ VĂN BẢN QUAN TRỌNG			
NGÀY 04/04/2026			

1	Nghị định 123/2026/NĐ-CP hướng dẫn Luật Giao thông đường thủy nội địa và Luật sửa đổi Luật Giao thông đường thủy nội địa	Số hiệu: 123/2026/NĐ-CP Lĩnh vực, ngành: Giao thông - Vận tải Nơi ban hành: Chính phủ Người ký: Trần Hồng Hà Ngày ban hành: 04/04/2026 Ngày hiệu lực: 01/07/2026	Quy định về vận tải hàng hóa siêu trường, siêu trọng đường thủy từ 01/7/2026 Theo đó, tại Nghị định 123/2026/NĐ-CP quy định về vận tải hàng hóa siêu trường, hàng hóa siêu trọng như sau: - Hàng hóa siêu trường là hàng hóa không thể tháo rời có kích thước bao chiều dài > 40 m hoặc chiều rộng > 10 m hoặc chiều cao > 4,5 m. - Hàng hóa siêu trọng là hàng hóa không thể tháo rời có trọng lượng toàn bộ > 100 tấn. - Trước khi thực hiện việc vận tải hàng hóa siêu trường, hàng hóa siêu trọng, thuyền trưởng phương tiện hoặc người vận tải, người kinh doanh vận tải (sau đây gọi tắt là người vận tải) phải lập phương án vận tải hàng hóa siêu trường, hàng hóa siêu trọng gửi cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều này phê duyệt. Phương án gồm các nội dung chủ yếu sau: + Hiện trạng tuyến đường thủy dự kiến hành trình: chiều rộng, chiều sâu, bán kính cong của luồng, chiều cao tính không các công trình vượt sông,
---	--	--	---

- + Thông tin về loại hàng hóa vận chuyển: kích thước (dài x rộng x cao) m, tổng khối lượng (tấn);
- + Dự kiến thời gian vận chuyển, cảng đi, cảng đến,
- + Chung loại, thông số kích thước phương tiện vận tải;
- + Hướng dẫn đảm bảo an toàn giao thông, yêu cầu hỗ trợ (nếu có).
- Thẩm quyền phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường, hàng hóa siêu trọng
- + Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam tổ chức phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường, hàng hóa siêu trọng trong các trường hợp: phương tiện rời cảng biển, phương tiện rời cảng, bến thủy nội địa có hành trình vận tải liên tỉnh;
- + Sở Xây dựng tổ chức phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường, hàng hóa siêu trọng trong trường hợp phương tiện rời cảng, bến thủy nội địa có hành trình vận tải nội tỉnh.
- Trình tự, thủ tục phê duyệt phương án vận tải hàng hóa

		siêu trường, hàng hóa siêu trọng + Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều này. Hồ sơ gồm: văn bản đề nghị phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường, hàng hóa siêu trọng theo Mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, phương án vận tải hàng hóa siêu trường, hàng hóa siêu trọng quy định tại khoản 3 Điều này: + Trong thời hạn 02 ngày, kể từ ngày nhận được phương án vận tải hàng hóa siêu trường, hàng hóa siêu trọng, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định 123/2026/NĐ-CP có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, phê duyệt phương án và gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống quản lý văn bản điện tử cho người vận tải. Trường hợp không phê duyệt có văn bản trả lời nêu rõ lý do.
NGÀY 05/04/2026		
KHÔNG CÓ VĂN BẢN QUAN TRỌNG		

NGÀY 06/04/2026

2	Nghị định 128/2026/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 85/2024/NĐ-CP hướng dẫn Luật Giá được sửa đổi bởi Luật 44/2024/QH15, 61/2024/QH15, 95/2025/QH15 và 140/2025/QH15	Số hiệu: 128/2026/NĐ-CP Lĩnh vực, ngành: Tài chính nhà nước Nơi ban hành: Chính phủ Người ký: Hồ Đức Phớc Ngày ban hành: 06/04/2026 Ngày hiệu lực: 06/04/2026	Sửa quy định lập phương án giá hàng hóa, dịch vụ Đơn cử, việc lập phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ do một cấp định giá được quy định như sau: - Đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Thủ tướng Chính phủ: Thủ tướng Chính phủ giao bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ tổ chức việc lựa chọn, yêu cầu cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kinh doanh, cung ứng hàng hóa dịch vụ lập phương án giá. Việc lựa chọn tổ chức, cá nhân kinh doanh, cung ứng hàng hóa, dịch vụ thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định 85/2024; - Đối với hàng hóa, dịch vụ sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo phương thức đặt hàng và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương: Tổ chức sản xuất, kinh doanh, cung ứng hàng hóa, dịch vụ được đặt hàng lập phương án giá; - Đối với hàng hoá, dịch vụ phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh thực hiện đặt hàng, giao nhiệm vụ: Cơ quan, đơn
---	--	---	---

vị, doanh nghiệp, tổ chức được đặt hàng, giao nhiệm vụ sản xuất, cung ứng hàng hoá dịch vụ theo quy định của Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp có trách nhiệm lập phương án giá;

- Đối với hàng dự trữ quốc gia thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh: Đơn vị dự trữ quốc gia hoặc đơn vị được giao trực tiếp quản lý hàng dự trữ quốc gia hoặc tổ chức được giao nhiệm vụ bán hàng dự trữ quốc gia lập phương án giá trong trường hợp bán hàng dự trữ quốc gia;

- Đối với hàng hóa, dịch vụ do một cấp định giá khác ngoài các hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản này: Cơ quan có thẩm quyền định giá hoặc cơ quan, đơn vị được phân cấp định giá trong trường hợp được cơ quan có thẩm quyền định giá phân cấp tổ chức việc lựa chọn, yêu cầu cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kinh doanh, cung ứng hàng hóa, dịch vụ lập phương án giá. Việc lựa chọn tổ chức, cá nhân kinh doanh, cung ứng hàng hóa, dịch vụ thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định 85/2024.

3	Nghị định 131/2026/NĐ-CP hướng dẫn Khoản 3 Điều 160 Luật Tư pháp người chưa thành niên về việc sử dụng kinh phí từ Quỹ Bảo trợ trẻ em cho người chưa thành niên là bị hại	Số hiệu: 131/2026/NĐ-CP Lĩnh vực, ngành: Tài chính nhà nước, Văn hóa - Xã hội Nơi ban hành: Chính phủ Người ký: Hồ Đức Phớc Ngày ban hành: 06/04/2026 Ngày hiệu lực: 25/05/2026	Mức chi bồi thường cho người chưa thành niên là bị hại Nghị định 131/2026 quy định chi tiết khoản 3 Điều 160 Luật Tư pháp người chưa thành niên về việc sử dụng kinh phí từ Quỹ Bảo trợ trẻ em cho người chưa thành niên là bị hại bị xâm phạm tính mạng, sức khỏe cần phải cứu chữa kịp thời nhưng người bồi thường chưa thể thực hiện bồi thường ngay, bao gồm nguyên tắc, điều kiện, mức kinh phí sử dụng, hồ sơ, trình tự, thủ tục tạm ứng, thanh toán, hoàn trả và quyết toán kinh phí. Theo đó, mức kinh phí sử dụng từ Quỹ Bảo trợ trẻ em cho người chưa thành niên là bị hại bị xâm phạm tính mạng, sức khỏe cần phải cứu chữa kịp thời căn cứ trên chi phí khám bệnh, chữa bệnh cho người chưa thành niên là bị hại, không bao gồm các chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu, các chi phí được bảo hiểm y tế chi trả (nếu có), nhưng không quá 100 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định cho một người chưa thành niên là bị hại. Hằng năm, Quỹ Bảo trợ trẻ em lập dự toán kinh phí hỗ trợ khám bệnh, chữa bệnh cho người chưa thành niên là bị hại
---	---	---	--

trong tổng dự toán hoạt động của đơn vị theo quy định hiện hành.

Điều kiện sử dụng kinh phí từ Quỹ Bảo trợ trẻ em cho người chưa thành niên là bị hại

****Việc sử dụng kinh phí từ Quỹ Bảo trợ trẻ em được thực hiện khi có đủ các điều kiện sau đây:**

(1) Người chưa thành niên là bị hại bị xâm phạm tính mạng, sức khỏe đang trong tình trạng cấp cứu cần phải cứu chữa tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để ngăn ngừa các hậu quả nghiêm trọng;

(2) Người bồi thường chưa thể thực hiện bồi thường ngay.

****Người bồi thường chưa thể thực hiện bồi thường ngay quy định tại mục (2) là người bồi thường thuộc một trong các trường hợp sau đây:**

+ Hộ nghèo;

+ Hộ cận nghèo;

+ Đã chết;

			+ Bỏ trốn hoặc chưa xác định được người thực hiện hành vi phạm tội.
4	Nghị định 132/2026/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 41/2018/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập	Số hiệu: 132/2026/NĐ-CP Lĩnh vực, ngành: Kế toán - Kiểm toán, Vi phạm hành chính Nơi ban hành: Chính phủ Người ký: Hồ Đức Phớc Ngày ban hành: 06/04/2026 Ngày hiệu lực: 21/05/2026	Quy định xử phạt hành chính về phòng chống rửa tiền trong kinh doanh dịch vụ kế toán Theo đó, bổ sung Điều 35a (Xử phạt hành vi vi phạm quy định về phòng, chống rửa tiền; phòng, chống tài trợ khủng bố; phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt trong kinh doanh dịch vụ kế toán). Đơn cử, xử phạt hành vi vi phạm quy định về nhận biết khách hàng; quy định về đánh giá rủi ro; quy định về phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro (1) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: Hành vi không nhận biết khách hàng; không cập nhật; không xác minh thông tin nhận biết khách hàng hoặc nhận biết khách hàng; cập nhật; xác minh thông tin nhận biết khách hàng không đúng quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố, phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

			Hành vi không cập nhật danh sách đen; Hành vi không thực hiện đánh giá, không cập nhật kết quả đánh giá rủi ro rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quy định của pháp luật; Hành vi không báo cáo hoặc không phổ biến kết quả đánh giá, cập nhật rủi ro về rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quy định của pháp luật. (2) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không xây dựng hoặc không ban hành quy trình quản lý rủi ro, không phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro hoặc xây dựng quy trình quản lý rủi ro, phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro không đúng quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố, phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.
5	Nghị định 133/2026/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính	Số hiệu: 133/2026/NĐ-CP Lĩnh vực, ngành: Vi	Chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam Theo đó, quy định rõ các chế độ tiếp khách nước ngoài

	trong lĩnh vực điện lực	phạm hành chính, Tài nguyên - Môi trường Nơi ban hành: Chính phủ Người ký: Bùi Thanh Sơn Ngày ban hành: 06/04/2026 Ngày hiệu lực: 25/05/2026	vào làm việc tại Việt Nam do Việt Nam chi toàn bộ chi phí trong nước như sau: - Chi đón, tiễn khách tại sân bay; - Tiêu chuẩn xe ô tô đưa, đón khách; - Tiêu chuẩn về thuê chỗ ở; - Tiêu chuẩn ăn hàng ngày (bao gồm 2 bữa trưa, tối); - Tổ chức chiêu đãi; - Tiêu chuẩn tiếp xã giao và các buổi làm việc; - Chi dịch thuật; - Chi văn hóa, văn nghệ và tặng phẩm; - Chế độ, tiêu chuẩn chi khi đưa đoàn khách nước ngoài đi công tác địa phương và cơ sở; - Chi đưa khách đi tham quan; - Trách nhiệm chi tiếp khách trong trường hợp đoàn vào làm việc với nhiều cơ quan, đơn vị. Nguồn kinh phí thực hiện chế độ tiếp khách nước ngoài
--	---------------------------------------	---	--

			làm việc tại Việt Nam, chế độ tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước: (1) Ngân sách nhà nước. (2) Nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập. (3) Các khoản đóng góp, ủng hộ, tài trợ của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước. (4) Nguồn thu phí được để lại theo quy định của pháp luật phí, lệ phí (trong trường hợp có văn bản của cấp có thẩm quyền cho phép sử dụng nguồn thu phí được để lại để chi tiếp khách nước ngoài, chi hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiếp khách trong nước).
6	Nghị định 134/2026/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 17/2023/NĐ-CP hướng dẫn Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan	Số hiệu: 134/2026/NĐ-CP Lĩnh vực, ngành: Sở hữu trí tuệ Nơi ban hành: Chính	Hồ sơ yêu cầu cấp, cấp lại, thu hồi Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan Tại Điều 28 Nghị định 134/2026/NĐ-CP sửa đổi bổ sung Điều 98 Nghị định 17/2023/NĐ-CP về thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan.

	phủ	Theo đó, cá nhân đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ yêu cầu cấp Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu cấp Thẻ giám định viên trên Cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cá nhân thường trú. Hồ sơ bao gồm:
	Người ký: Mai Văn Chính	
	Ngày ban hành: 06/04/2026	(1) Tờ khai yêu cầu cấp Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan (theo Mẫu số 10 của Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 134/2026/NĐ-CP);
	Ngày hiệu lực: 09/04/2026	(2) Bản gốc hoặc bản sao chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học. Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến thì nộp bản sao điện tử hoặc bản chứng thực điện tử.
		Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin trên cơ sở dữ liệu về văn bằng, chứng chỉ để thay thế và chỉ được yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu tại điểm này trong trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác;

			(3) Giấy xác nhận quá trình công tác theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ (do cơ quan, tổ chức nơi công tác cấp); (4) Bản gốc hoặc bản sao chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc chứng nhận đạt yêu cầu khóa đào tạo nghiệp vụ về giám định quyền tác giả, quyền liên quan trong trường hợp đã qua thực tế hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực đề nghị cấp thẻ giám định viên từ đủ năm năm trở lên theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ. Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến thì nộp bản sao điện tử hoặc bản chứng thực điện tử; (5) Ảnh chân dung của người yêu cầu cấp Thẻ giám định viên kích cỡ 3 x 4 cm. Trường hợp nộp hồ sơ dưới dạng bản giấy thì nộp 02 ảnh màu kích cỡ 3 x 4 cm.
7	Thông tư 41/2026/TT-BTC hướng dẫn việc kê khai, khấu trừ, nộp thuế, quyết toán thuế trên thị trường tài sản mã hóa do Bộ trưởng	Số hiệu: 41/2026/TT-BTC Lĩnh vực, ngành: Tiền tệ - Ngân hàng, Thuế - Phí - Lệ Phí, Công nghệ thông	Hướng dẫn kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế trên thị trường tài sản mã hóa Theo đó, tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa, tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, các tổ chức này có hoạt động giao dịch, chuyển nhượng, kinh doanh tài sản mã hóa trên thị trường tài sản

	Bộ Tài chính ban hành tin Nơi ban hành: Bộ Tài chính Người ký: Cao Anh Tuấn Ngày ban hành: 06/04/2026 Ngày hiệu lực: 06/04/2026	mã hóa tại Việt Nam thực hiện kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế như sau: (1) Về thuế giá trị tăng: Tổ chức cung cấp dịch vụ, tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam có hoạt động quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư 32/2026/TT-BTC hướng dẫn thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân đối với giao dịch, chuyển nhượng, kinh doanh tài sản mã hóa thực hiện kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng như sau: - Hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng thực hiện theo quy định tại Mục 2 - Phụ lục I Danh mục hồ sơ khai thuế ban hành kèm theo Nghị định 126/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 373/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 126/2020/NĐ-CP . - Mẫu biểu hồ sơ khai thuế thực hiện theo mẫu tại Mục II. Mẫu biểu hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng - Phụ lục II Danh mục mẫu biểu hồ sơ khai thuế ban hành kèm theo Thông tư 80/2021/TT-BTC và Nghị định 126/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 40/2025/TT-BTC .
--	--	---

(2) Về thuế thu nhập doanh nghiệp

- Hồ sơ khai thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Mục 7 - Phụ lục I Danh mục hồ sơ khai thuế ban hành kèm theo Nghị định 126/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 373/2025/NĐ-CP .

- Mẫu biểu hồ sơ khai thuế thực hiện theo mẫu tại Mục VI. Mẫu biểu hồ sơ khai thuế thu nhập doanh nghiệp - Phụ lục II Danh mục mẫu biểu hồ sơ khai thuế ban hành kèm theo Thông tư 80/2021/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 40/2025/TT-BTC , Thông tư 94/2025/TT-BTC , Thông tư 21/2026/TT-BTC .

- Tổ chức cung cấp dịch vụ, tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam phải xác định số thuế tạm nộp hàng quý để nộp tiền thuế thu nhập doanh nghiệp vào ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 6 Điều 8 Nghị định 126/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 126/2020/NĐ-CP , số thuế thu nhập doanh nghiệp đã tạm nộp được trừ với số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quyết toán thuế năm. Chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng thứ 3 kể từ

			ngày kết thúc năm dương lịch hoặc năm tài chính, Tổ chức cung cấp dịch vụ, tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam phải nộp hồ sơ quyết toán thuế năm. Tổ chức cung cấp dịch vụ, tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam nộp hồ sơ khai thuế bằng phương thức điện tử. Cơ quan tiếp nhận và xử lý hồ sơ khai thuế là cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế. Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, thời hạn nộp thuế thực hiện theo quy định tại Chương IV, Chương VI Luật Quản lý thuế 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
--	--	--	--

NGÀY 07/04/2026

8	Nghị định 136/2026/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 100/2024/NĐ-CP hướng dẫn Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội (đã được sửa đổi tại Nghị định	Số hiệu: 136/2026/NĐ-CP Lĩnh vực, ngành: Xây dựng - Đô thị, Văn hóa - Xã hội Nơi ban hành: Chính	Điều kiện về thu nhập để được hưởng chính sách hỗ trợ nhà ở xã hội Theo đó Nghị định 136/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 30 Nghị định 100/2024/NĐ-CP đối với các đối tượng quy định tại các khoản 5, 6 và 8 Điều 76 của Luật Nhà ở thì phải đảm bảo điều kiện về thu nhập
----------	---	--	---

	261/2025/NĐ-CP và Nghị định 54/2026/NĐ-CP)	phủ Người ký: Trần Hồng Hà Ngày ban hành: 07/04/2026 Ngày hiệu lực: 07/04/2026	như sau: (1) Trường hợp người đứng đơn là người chưa kết hôn hoặc được xác nhận là độc thân thì có thu nhập bình quân hàng tháng thực nhận không quá 25 triệu đồng tính theo Bảng tiền công, tiền lương do cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nơi đối tượng làm việc xác nhận. Trường hợp người đứng đơn là người chưa kết hôn hoặc được xác nhận là độc thân đang nuôi con dưới tuổi thành niên thì thu nhập bình quân hàng tháng thực nhận không quá 35 triệu đồng tính theo Bảng tiền công, tiền lương do cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nơi đối tượng làm việc xác nhận. (2) Trường hợp người đứng đơn đã kết hôn theo quy định của pháp luật thì người đứng đơn và vợ (chồng) của người đó có tổng thu nhập bình quân hàng tháng thực nhận không quá 50 triệu đồng tính theo Bảng tiền công, tiền lương do cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nơi đối tượng làm việc xác nhận. (3) Thời gian xác định điều kiện về thu nhập theo quy định tại điểm (1), (2) này là trong 12 tháng liền kề, tính từ thời
--	--	---	--

			điểm cơ quan có thẩm quyền thực hiện xác nhận. (4) Căn cứ điều kiện, mức thu nhập của từng khu vực trên địa bàn, chính sách ưu đãi về nhà ở cho cán bộ, công chức, viên chức, số lượng người phụ thuộc theo quy định của pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được quyết định hệ số điều chỉnh mức thu nhập quy định tại điểm (1), (2) nhưng không vượt quá tỷ lệ giữa thu nhập bình quân đầu người tại địa phương so với thu nhập bình quân đầu người của cả nước; quyết định chính sách khuyến khích tiếp cận nhà ở xã hội đối với đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội có từ ba (03) người phụ thuộc trở lên trong cùng một hộ gia đình.
9	Nghị định 137/2026/NĐ-CP về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp	Số hiệu: 137/2026/NĐ-CP Lĩnh vực, ngành: Thương mại Nơi ban hành: Chính phủ Người ký: Bùi Thanh	Điều kiện đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp từ ngày 01/7/2026 Theo đó, tại Điều 8 Nghị định 137/2026/NĐ-CP quy định về điều kiện đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp: - Tổ chức đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp phải đáp ứng các điều kiện sau: + Là doanh nghiệp được thành lập tại Việt Nam theo quy

	Son Ngày ban hành: 07/04/2026 Ngày hiệu lực: 01/07/2026	định của pháp luật và chưa từng bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp; + Thành viên đối với công ty hợp danh, chủ sở hữu đối với doanh nghiệp tư nhân hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn có từ hai thành viên trở lên, cổ đông đối với công ty cổ phần, người đại diện theo pháp luật, người quản lý doanh nghiệp chưa từng bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp đã bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp, giấy đăng ký tổ chức bán hàng đa cấp; + Ký quỹ tại một ngân hàng thương mại hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 50 Nghị định 137/2026/NĐ-CP ; + Có mẫu hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp, quy tắc hoạt động, kế hoạch trả thưởng, chương trình đào tạo cơ bản rõ ràng, minh bạch và phù hợp với quy định của pháp luật về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp; + Có hệ thống công nghệ thông tin quản lý mạng lưới
--	--	--

			người tham gia bán hàng đa cấp, trang thông tin điện tử để cung cấp thông tin về doanh nghiệp và hoạt động bán hàng đa cấp của doanh nghiệp; + Trong trường hợp tổ chức đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp là doanh nghiệp có nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là chủ sở hữu hoặc thành viên góp vốn, tất cả các nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đó phải có thời gian hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp trong thực tế tối thiểu là 03 năm liên tục ở một nước, vùng lãnh thổ trên thế giới. - Doanh nghiệp đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp phải lập hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định tại Điều 10 Nghị định 137/2026/NĐ-CP và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của hồ sơ.
10	Nghị định 138/2026/NĐ-CP hướng dẫn Luật Việc làm về phát triển kỹ năng nghề	Số hiệu: 138/2026/NĐ-CP Lĩnh vực, ngành: Lao	Mức hưởng hỗ trợ đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề quốc gia từ 07/4/2026 Căn cứ Điều 28 Nghị định 138/2026/NĐ-CP quy định mức hưởng hỗ trợ đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ

	động - Tiền lương Nơi ban hành: Chính phủ Người ký: Lê Thành Long Ngày ban hành: 07/04/2026 Ngày hiệu lực: 07/04/2026	năng nghề quốc gia như sau: Người lao động chưa được hưởng hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề được hưởng các chính sách hỗ trợ như sau: - Hỗ trợ tiền đi lại cho người lao động từ nơi ở hiện tại đến địa điểm đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ theo định mức như sau: + 200.000 đồng/người/lượt đi và về đối với người lao động cư trú cách địa điểm đánh giá từ 15 km trở lên; + 300.000 đồng/người/lượt đi và về đối với người lao động cư trú tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn cách địa điểm đánh giá từ 5 km trở lên; - Hỗ trợ tiền ăn, sinh hoạt phí trong thời gian thực tế tham gia đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề là 50.000 đồng/người/ngày và hỗ trợ tối đa 3 tháng; - Được hỗ trợ phí đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề đối với các nghề thuộc Danh mục nghề, công việc yêu cầu phải có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, mức hỗ trợ không vượt quá 4.000.000 đồng/người
--	--	---

theo từng bậc, ngành, nghề.

*Lưu ý:

- Người lao động được hỗ trợ thuộc một trong các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định 138/2026/NĐ-CP.

- Kinh phí hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành, kinh phí hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp và các nguồn huy động, tài trợ hợp pháp khác. Trường hợp điều kiện kinh tế - xã hội địa phương đảm bảo, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ cao hơn mức hỗ trợ quy định tại khoản 2 Điều 28 Nghị định 138/2026/NĐ-CP.

NGÀY 08/04/2026

KHÔNG CÓ VĂN BẢN QUAN TRỌNG

NGÀY 09/04/2026

KHÔNG CÓ VĂN BẢN QUAN TRỌNG

NGÀY 10/04/2026

KHÔNG CÓ VĂN BẢN QUAN TRỌNG

NGÀY 11/04/2026

KHÔNG CÓ VĂN BẢN QUAN TRỌNG

NGÀY 12/04/2026

KHÔNG CÓ VĂN BẢN QUAN TRỌNG

NGÀY 13/04/2026

KHÔNG CÓ VĂN BẢN QUAN TRỌNG

NGÀY 14/04/2026

KHÔNG CÓ VĂN BẢN QUAN TRỌNG

NGÀY 15/04/2026

11	Thông tư 18/2026/TT-BKHCN quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành	Số hiệu: 18/2026/TT-BKHCN	Tiêu chuẩn bổ nhiệm giám định viên tư pháp lĩnh vực khoa học và công nghệ từ 01/5/2026
		Lĩnh vực, ngành: Thủ tục Tố tụng Nơi ban hành: Bộ Khoa học và Công nghệ Người ký: Vũ Hải Quân Ngày ban hành: 15/04/2026 Ngày hiệu lực: 01/05/2026	Theo đó, tiêu chuẩn bổ nhiệm giám định viên tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ như sau: - Tiêu chuẩn bổ nhiệm giám định viên tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật Giám định tư pháp. - Tiêu chuẩn “Có trình độ đại học trở lên” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 10 Luật Giám định tư pháp là có bằng tốt nghiệp đại học trở lên do cơ sở giáo dục của Việt Nam cấp theo quy định của pháp luật hoặc do cơ sở giáo dục nước ngoài đào tạo và được công nhận để sử dụng tại Việt Nam phù hợp với chuyên môn đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp thuộc một trong các chuyên ngành giám định trong lĩnh vực khoa học và công nghệ được quy

định tại Điều 3 của Thông tư này.

- Tiêu chuẩn “đã qua thực tế hoạt động chuyên môn ở lĩnh vực được đào tạo từ đủ 05 năm trở lên” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 10 Luật Giám định tư pháp là có thời gian trực tiếp làm công tác chuyên môn về chuyên ngành được đào tạo từ đủ 05 năm trở lên tính từ ngày được tuyển dụng hoặc tiếp nhận làm việc đến thời điểm lập hồ sơ đề nghị bổ nhiệm, phù hợp với lĩnh vực giám định tư pháp mà người đó được bổ nhiệm.

- Tiêu chuẩn “Đã qua khóa bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ giám định tư pháp” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 10 Luật Giám định tư pháp là có Giấy Chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ được tổ chức có thẩm quyền cấp theo quy định tại Điều 15 Thông tư này.

- Người thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 11 Luật Giám định tư pháp không được bổ nhiệm giám định viên tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

- Giám định viên tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công

		nghệ bao gồm giám định viên theo từng chuyên ngành được quy định tại Điều 3 Thông tư này. - Người được đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ có thể được bổ nhiệm một hoặc nhiều chuyên ngành theo quy định tại Điều 3 Thông tư này khi có đủ các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật Giám định tư pháp và Điều 4 Thông tư này.
NGÀY 16/04/2026		
KHÔNG CÓ VĂN BẢN QUAN TRỌNG		
NGÀY 17/04/2026		
KHÔNG CÓ VĂN BẢN QUAN TRỌNG		
NGÀY 18/04/2026		
KHÔNG CÓ VĂN BẢN QUAN TRỌNG		

NGÀY 19/04/2026

KHÔNG CÓ VĂN BẢN QUAN TRỌNG

NGÀY 20/04/2026

KHÔNG CÓ VĂN BẢN QUAN TRỌNG

NGÀY 21/04/2026

KHÔNG CÓ VĂN BẢN QUAN TRỌNG

NGÀY 22/04/2026

12	Thông tư 08/2026/TT-BVHTTDL quy định các mẫu văn bản trong hoạt động đăng ký quyền tác giả, đăng ký quyền liên quan do Bộ trưởng Bộ Văn hóa,	Số hiệu: 08/2026/TT-BVHTTDL Lĩnh vực, ngành: Sở hữu trí tuệ, Văn hóa - Xã hội	Các mẫu tờ khai đăng ký quyền tác giả, đăng ký quyền liên quan từ ngày 22/4/2026 Theo đó, các mẫu tờ khai đăng ký quyền tác giả, đăng ký quyền liên quan quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 08/2026/TT-BVHTTDL bao gồm:
----	---	--	--

	Thể thao và Du lịch ban hành	Nơi ban hành: Bộ Văn hoá, Thể thao và du lịch Người ký: Lâm Thị Phương Thanh Ngày ban hành: 22/04/2026 Ngày hiệu lực: 22/04/2026	- Mẫu số 01: Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả đối với tác phẩm văn học, khoa học; bài giảng, bài phát biểu và bài nói khác; sưu tập dữ liệu; tác phẩm báo chí; tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian và tác phẩm khác được thể hiện dưới dạng chữ viết hoặc ký tự khác; - Mẫu số 02: Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả đối với tác phẩm mỹ thuật ứng dụng; - Mẫu số 03: Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả đối với chương trình máy tính; - Mẫu số 04: Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả đối với tác phẩm âm nhạc; - Mẫu số 05: Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả đối với tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh; - Mẫu số 06: Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả đối với tác phẩm điện ảnh, tác phẩm sân khấu; - Mẫu số 07: Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng
--	--	--	---

ký quyền tác giả đối với sách giáo khoa, giáo trình;

- Mẫu số 08: Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc, bản họa đồ, sơ đồ, bản đồ, bản vẽ liên quan đến địa hình, kiến trúc, công trình khoa học;

- Mẫu số 09: Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan;

- Mẫu số 10: Tờ khai đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả;

- Mẫu số 11: Tờ khai đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan;

- Mẫu số 12: Tờ khai đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả;

- Mẫu số 13: Tờ khai đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan;

- Mẫu số 14: Tờ khai đề nghị hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả/ Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan.

		Phụ lục: - Cam đoan của tác giả/ đồng tác giả về sáng tạo tác phẩm (Trường hợp tác giả/ đồng tác giả không đồng thời là người ký trong Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả kèm theo mẫu số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07 hoặc mẫu số 08 của Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 08/2026/TT-BVHTTDL); - Bản mô tả và cam đoan về việc sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo hỗ trợ trong quá trình sáng tạo tác phẩm (Trường hợp có sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo trong quá trình sáng tạo tác phẩm kèm theo mẫu số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07 hoặc mẫu số 08 của Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 08/2026/TT-BVHTTDL); - Bản mô tả và cam đoan về việc sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo hỗ trợ trong quá trình định hình hoặc thực hiện cuộc biểu diễn/ bản ghi âm, ghi hình/ chương trình phát sóng (Trường hợp có sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo trong quá trình định hình hoặc thực hiện cuộc biểu diễn/ bản ghi âm, ghi hình/ chương trình phát sóng kèm theo mẫu số 09 của Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư
--	--	---

			08/2026/TT-BVHTTDL).
NGÀY 23/04/2026			
13	Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài sửa đổi 2026	Số hiệu: 8/2026/QH16 Lĩnh vực, ngành: Bộ máy hành chính Nơi ban hành: Quốc hội Người ký Trần Thanh Mẫn Ngày ban hành: 23/04/2026 Ngày hiệu lực: 01/07/2026	Chức vụ ngoại giao, chức vụ lãnh sự và chức vụ ngoại giao đặc thù tại cơ quan đại diện từ 01/07/2026 (1) Chức vụ ngoại giao bao gồm: - Đại sứ đặc mệnh toàn quyền; - Đại sứ; - Công sứ; - Tham tán Công sứ; - Tham tán; - Bí thư thứ nhất; - Bí thư thứ hai; - Bí thư thứ ba; - Tùy viên.

(2) Chức vụ lãnh sự bao gồm:

- Tổng Lãnh sự;
- Phó Tổng Lãnh sự;
- Lãnh sự;
- Phó Lãnh sự;
- Tùy viên lãnh sự.

(3) Chức vụ ngoại giao đặc thù bao gồm:

- Đại biện;
- Tùy viên Quốc phòng;
- Phó Tùy viên Quốc phòng;
- Trợ lý Tùy viên Quốc phòng;
- Chức vụ ngoại giao đặc thù khác theo lĩnh vực chuyên ngành do Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quyết định trên cơ sở đề nghị của Thủ trưởng cơ quan cử cán bộ, bảo đảm phù hợp với thông lệ quốc tế và quy định của quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận.

Mặt khác, trách nhiệm của thành viên cơ quan đại diện như sau:

- Tuân thủ pháp luật Việt Nam, thực hiện các quy định của Bộ Ngoại giao và của cơ quan đại diện; bảo vệ và đề cao hình ảnh, uy tín, danh dự và lợi ích của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận.

- Tôn trọng pháp luật và phong tục tập quán của quốc gia tiếp nhận; tích cực góp phần tăng cường quan hệ hữu nghị hợp tác giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận.

- Chấp hành sự chỉ đạo và điều hành của người đứng đầu cơ quan đại diện; báo cáo và chịu trách nhiệm trước người đứng đầu cơ quan đại diện về việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Bảo vệ bí mật nhà nước.

- Không được lạm dụng quyền ưu đãi, miễn trừ vì lợi ích cá nhân, làm ảnh hưởng đến danh dự, uy tín của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và cơ quan đại diện. Trong thời gian công tác tại cơ quan đại diện, không được

			tiến hành hoạt động nghề nghiệp nhằm mục đích thu lợi riêng.
14	Luật Thi đua, khen thưởng sửa đổi 2026	Số hiệu: 06/2026/QH16 Lĩnh vực, ngành: Bộ máy hành chính Nơi ban hành: Quốc hội Người ký: Trần Thanh Mẫn Ngày ban hành: 23/04/2026 Ngày hiệu lực: 01/10/2026	Luật Thi đua khen thưởng sửa đổi 2026 có hiệu lực từ ngày 01/10/2026 Cụ thể Luật Thi đua khen thưởng sửa đổi 2026 đã sửa đổi, bổ sung nhiều quy định tại Luật Thi đua khen thưởng 2022 liên quan đến danh hiệu thi đua. Đơn cử quy định về tiêu chuẩn danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở được điều chỉnh mới nhất như sau: - Được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; - Đạt tiêu chuẩn danh hiệu “Lao động tiên tiến” hoặc “Chiến sĩ tiên tiến” và có sáng kiến được cơ sở công nhận; - Đạt tiêu chuẩn danh hiệu “Lao động tiên tiến” hoặc “Chiến sĩ tiên tiến” và có nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được đánh giá hiệu quả theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; - Đạt tiêu chuẩn danh hiệu “Lao động tiên tiến” hoặc “Chiến sĩ tiên tiến” và mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu,

phục vụ chiến đấu được đơn vị công nhận.

Ngoài ra, tiêu chuẩn danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” để tặng cho cá nhân cũng được Luật này sửa đổi, bổ sung như sau:

- Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được lựa chọn trong số những cá nhân có 02 lần liên tục được tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua Bộ, ban, ngành, tỉnh;

- Có sáng kiến đã được áp dụng hiệu quả và có khả năng nhân rộng trong toàn quốc hoặc có nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được đánh giá hiệu quả theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc.

Người đứng đầu Bộ, ban, ngành, tỉnh xem xét, công nhận hiệu quả và khả năng nhân rộng trong toàn quốc của sáng kiến; xem xét, công nhận phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an xem

			xét, công nhận sự mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc.
15	Luật Thủ đô 2026	Số hiệu: 02/2026/QH16 Lĩnh vực, ngành: Bộ máy hành chính Nơi ban hành: Quốc hội Người ký: Trần Thanh Mẫn Ngày ban hành: 23/04/2026 Ngày hiệu lực: 01/07/2026	Luật Thủ đô 2026 (Luật số 02/2026/QH16) có hiệu lực từ ngày 01/7/2026 Cụ thể, Luật Thủ đô 2026 quy định vị trí, vai trò của Thủ đô; cơ chế, chính sách, thẩm quyền, trách nhiệm xây dựng, phát triển và bảo vệ Thủ đô. Về nguyên tắc phân quyền và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân quyền cho Thủ đô Hà Nội, tại Điều 4 Luật Thủ đô 2026 quy định như sau: - Bảo đảm phù hợp với Hiến pháp, không trái với điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. - Phân quyền triệt để, toàn diện và phân định rõ thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; căn cứ tình hình thực tiễn, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phân cấp cho cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện liên tục, thường xuyên một hoặc một số

nhiệm vụ, quyền hạn mà mình được giao theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp pháp luật quy định không được phân cấp. Việc phân quyền, phân cấp bảo đảm không phương hại đến quốc phòng, an ninh, đối ngoại quốc gia, dân tộc, tôn giáo và lĩnh vực khác liên quan trực tiếp đến chủ quyền quốc gia.

Ngoài các nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Luật này, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp của Thành phố còn thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Bảo đảm quyền con người, quyền cơ bản của công dân, công bằng xã hội, phát triển bền vững và giữ gìn bản sắc, giá trị văn hóa của Thủ đô, vùng Thủ đô; không làm ảnh hưởng đến ổn định kinh tế vĩ mô, an toàn tài chính quốc gia; tôn trọng các quy luật thị trường.

- Bảo đảm việc vận hành nền hành chính quốc gia thống nhất, thông suốt, hiệu quả; bảo đảm tính công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình và thực hiện có hiệu quả việc kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực gắn với trách nhiệm kiểm tra, thanh tra, giám sát

			của cơ quan có thẩm quyền; có cơ chế theo dõi, đánh giá, kiểm tra và kịp thời điều chỉnh nội dung phân quyền khi cơ quan, tổ chức, cá nhân được phân quyền thực hiện không hiệu quả các nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
NGÀY 24/04/2026			
16	Thông tư 37/2026/TT-BCA sửa đổi các Thông tư quy định về đăng ký, kiểm định phương tiện do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành	Số hiệu: 37/2026/TT-BCA Lĩnh vực, ngành: Giao thông - Vận tải Nơi ban hành: Bộ Công An Người ký: Lương Tam Quang Ngày ban hành: 24/04/2026 Ngày hiệu lực: 08/06/2026	Hồ sơ đăng ký sang tên xe từ ngày 08/6/2026 Theo đó, sửa đổi Điều 16 Thông tư 79/2024/TT-BCA về hồ sơ đăng ký sang tên xe bao gồm các giấy tờ sau: (1) Hồ sơ thu hồi - Giấy khai thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe; - Giấy tờ của chủ xe theo quy định tại Điều 10 Thông tư 79/2024/TT-BCA ; - 02 bản chà số máy, số khung của xe; - Bản sao chứng từ chuyển quyền sở hữu xe theo quy định; - Chứng nhận đăng ký xe, biển số xe; trường hợp mất

chứng nhận đăng ký xe hoặc mất biển số xe thì phải ghi rõ lý do trong giấy khai thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe.

Trong thời gian chờ nhận kết quả thu hồi, chủ xe được giữ lại biển số xe để sử dụng và phải nộp lại khi nhận chứng nhận thu hồi; trường hợp chủ xe không nộp lại biển số xe thì cơ quan đăng ký xe hủy kết quả và yêu cầu chủ xe làm lại thủ tục thu hồi trong trường hợp mất biển số xe theo quy định.

(2) Hồ sơ đăng ký

- Giấy khai đăng ký xe;
- Giấy tờ của chủ xe quy định;
- Chứng từ chuyển quyền sở hữu theo quy định.

Trường hợp dữ liệu về tình trạng hôn nhân của chủ xe đã được cập nhật trên Cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư thì dữ liệu điện tử chuyển quyền sở hữu trên Cổng dịch vụ công có giá trị pháp lý như Chứng từ chuyển quyền sở hữu bản giấy.

		- Chứng từ lệ phí trước bạ xe theo quy định; - Chứng nhận thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe. Về cấp chứng nhận đăng ký xe, biển số xe trong trường hợp thay đổi chủ xe được quy định như sau: - Khi chuyển quyền sở hữu xe, chủ xe phải làm thủ tục thu hồi tại cơ quan đăng ký xe nơi chủ xe có trụ sở, cư trú theo quy định tại Điều 4 Thông tư 79/2024/TT-BCA. - Tổ chức, cá nhân nhận chuyển quyền sở hữu xe làm thủ tục đăng ký sang tên xe tại cơ quan đăng ký xe theo quy định tại Điều 4 Thông tư 79/2024/TT-BCA.
NGÀY 25/04/2026		
KHÔNG CÓ VĂN BẢN QUAN TRỌNG		
NGÀY 26/04/2026		
KHÔNG CÓ VĂN BẢN QUAN TRỌNG		

NGÀY 27/04/2026

KHÔNG CÓ VĂN BẢN QUAN TRỌNG

NGÀY 28/04/2026

KHÔNG CÓ VĂN BẢN QUAN TRỌNG

NGÀY 29/04/2026

17

Thông tư 17/2026/TT-BXD sửa đổi Thông tư 14/2025/TT-BXD quy định về đào tạo lái xe; bồi dưỡng, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành

Số hiệu: 17/2026/TT-BXD

Lĩnh vực, ngành: Giao thông - Vận tải

Nơi ban hành: Bộ Xây dựng

Người ký: Lê Anh Tuấn

Ngày ban hành:

Thời gian lái xe an toàn để nâng hạng GPLX

Theo đó, Thông tư 17/2026 sửa đổi khoản 2 Điều 13 Thông tư 14/2025 (quy định về thời gian lái xe an toàn để nâng hạng GPLX).

Theo đó từ ngày 1/7/2026, người học lái xe để nâng hạng GPLX phải đáp ứng theo quy định tại khoản 4 Điều 60 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ 2024; trong đó, thời gian lái xe an toàn cho từng hạng giấy phép lái xe được quy định cụ thể như sau:

	29/04/2026 Ngày hiệu lực: 01/07/2026	- Hạng B lên C1, B lên C, B lên D1, B lên BE, C1 lên C, C1 lên D1, C1 lên D2, C1 lên C1E, C lên D1, C lên D2, D1 lên D2, D1 lên D, D1 lên D1E, D2 lên D, D2 lên D2E, D lên CE, D lên DE: thời gian lái xe an toàn từ 02 năm trở lên; - Hạng B lên D2, D1 lên CE, D2 lên CE, C lên CE, C lên D: thời gian lái xe an toàn từ 03 năm trở lên. (Khoản 2 Điều 13 Thông tư 14/2025 quy định người học lái xe để nâng hạng giấy phép lái xe phải đáp ứng theo quy định tại khoản 4 Điều 60 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; trong đó, thời gian lái xe an toàn cho từng hạng giấy phép lái xe được quy định cụ thể như sau: - Hạng B lên C1, B lên C, B lên D1, B lên BE, C1 lên C, C1 lên D1, C1 lên D2, C1 lên C1E, C lên D1, C lên D2, D1 lên D2, D1 lên D, D1 lên D1E, D2 lên D, D2 lên D2E, D lên DE: thời gian lái xe an toàn từ 02 năm trở lên; - Hạng B lên D2, C lên CE, C lên D: thời gian lái xe an toàn từ 03 năm trở lên.)
--	---	---

18	Thông tư 45/2026/TT-BTC sửa đổi Thông tư 29/2020/TT-BTC hướng dẫn thực hiện việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý tài sản công do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	Số hiệu: 45/2026/TT-BTC Lĩnh vực, ngành: Vi phạm hành chính, Tài chính nhà nước Nơi ban hành: Bộ Tài chính Người ký: Tạ Anh Tuấn Ngày ban hành: 29/04/2026 Ngày hiệu lực: 15/06/2026	Xác định giá trị của tài sản làm căn cứ xác định khung tiền phạt trong quản lý tài sản công (1) Giá trị của tài sản quy định tại điểm d khoản 1 Điều 4 Nghị định 63/2019/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 102/2021/NĐ-CP và Nghị định 55/2026/NĐ-CP của Chính phủ được xác định như sau: (1.1) Giá trị còn lại của tài sản theo sổ kế toán. Trường hợp giá trị còn lại của tài sản bằng không (=0) thì giá trị của tài sản được tính bằng 20% nguyên giá của tài sản. (1.2) Trường hợp tài sản chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán thì căn cứ vào nguồn gốc của tài sản và hồ sơ, chứng từ có liên quan (nếu có) để xác định giá trị còn lại của tài sản theo quy định của pháp luật về chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao áp dụng đối với tài sản đó. (1.3) Đối với tài sản không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định thì việc xác định giá trị của tài sản được thực hiện tương tự như việc xác định giá trị còn lại của tài sản cùng loại
----	--	--	---

quy định tại điểm (1.1) và (1.2).

(2) Trường hợp không thể áp dụng quy định tại khoản (1) làm căn cứ xác định giá trị của tài sản thì người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý tài sản công đang giải quyết vụ việc quyết định thành lập Hội đồng định giá để xác định giá trị của tài sản. Thành phần của Hội đồng thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 60 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

(3) Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng định giá quy định tại khoản (2) như sau:

- Tùy theo tính chất, đặc điểm, thực trạng của tài sản cần định giá, Hội đồng định giá thực hiện khảo sát giá, thu thập thông tin liên quan đến tài sản cần định giá bằng ít nhất một trong các hình thức sau: Khảo sát giá thị trường theo giá bán buôn, giá bán lẻ của tài sản cùng loại hoặc tài sản tương tự; nghiên cứu giá tài sản do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, quyết định đã được áp dụng tại địa phương; tham khảo giá do doanh nghiệp thẩm định giá cung cấp, giá trong tài liệu, hồ sơ kèm theo tài sản cần định giá, các nguồn thông tin khác về giá trị của tài sản

cần định giá.

- Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập thể. Phiên họp để định giá tài sản chỉ được tiến hành khi có mặt từ 2/3 số lượng thành viên của Hội đồng trở lên tham dự; trường hợp Hội đồng chỉ có 03 thành viên thì phiên họp phải có mặt đủ 03 thành viên. Chủ tịch Hội đồng điều hành phiên họp để định giá tài sản. Trước khi tiến hành phiên họp, những thành viên vắng mặt phải có văn bản gửi tới Chủ tịch Hội đồng nêu rõ lý do vắng mặt; có ý kiến về các vấn đề liên quan đến giá trị tài sản.

Hội đồng kết luận về giá trị tài sản theo ý kiến đa số bao gồm ý kiến biểu quyết, thông qua của thành viên Hội đồng có mặt tại phiên họp và ý kiến bằng văn bản của thành viên vắng mặt. Trong trường hợp có ý kiến ngang nhau thì bên có biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng là ý kiến quyết định. Thành viên của Hội đồng có quyền bảo lưu ý kiến của mình nếu không đồng ý với kết luận về giá trị của tài sản do Hội đồng quyết định; ý kiến bảo lưu đó được ghi vào Biên bản định giá tài sản.

- Hội đồng phải lập Biên bản về việc định giá tài sản, phản ánh đầy đủ và trung thực toàn bộ quá trình định giá tài

sản. Biên bản phải được lưu trong hồ sơ định giá tài sản.

Nội dung chính của Biên bản định giá tài sản gồm: Họ, tên Chủ tịch Hội đồng và các thành viên của Hội đồng; họ, tên những người tham dự phiên họp định giá tài sản (nếu có); thời gian, địa điểm tiến hành việc định giá tài sản; kết quả khảo sát giá, thu thập thông tin liên quan đến tài sản cần định giá; ý kiến của các thành viên của Hội đồng; ý kiến của những người tham dự phiên họp định giá tài sản (nếu có); kết quả biểu quyết của Hội đồng; thời gian, địa điểm hoàn thành việc định giá tài sản; chữ ký của Chủ tịch Hội đồng và các thành viên của Hội đồng.

- Hội đồng định giá chấm dứt hoạt động sau khi hoàn thành nhiệm vụ quy định tại Quyết định thành lập Hội đồng. Các trường hợp phát sinh sau khi Hội đồng chấm dứt hoạt động sẽ do cơ quan của người có thẩm quyền thành lập Hội đồng chủ trì xử lý.

(4) Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý tài sản công đang giải quyết vụ việc có trách nhiệm xác định giá trị của tài sản quy định tại khoản (1). Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính có trách nhiệm phối hợp với Hội đồng định giá quy định tại khoản

			(2) để xác định giá trị của tài sản. (5) Việc tính giá trị còn lại của tài sản để xác định giá trị vượt quy định tại điểm a khoản 7 Điều 8 Nghị định 63/2019 trong trường hợp chưa có quy định của pháp luật về chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao áp dụng đối với tài sản đó được thực hiện theo quy định tại các khoản (2), (3) và (4).
19	Nghị định 141/2026/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 68/2026/NĐ-CP quy định về chính sách thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và Nghị định 320/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp	Số hiệu: 141/2026/NĐ-CP Lĩnh vực, ngành: Doanh nghiệp, Thuế - Phí - Lệ Phí Nơi ban hành: Chính phủ Người ký Nguyễn Văn Thắng Ngày ban hành: 29/04/2026	Doanh nghiệp có tổng doanh thu năm dưới 1 tỷ sẽ được miễn thuế TNDN Tại Điều 2 Nghị định 141/2026/NĐ-CP quy định bổ sung thu nhập của doanh nghiệp có tổng doanh thu năm dưới 1 tỷ đồng vào nhóm được miễn thuế TNDN hiện đang được quy định tại Điều 4 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025. Chi tiết như sau: Thu nhập của doanh nghiệp, tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam có tổng doanh thu năm từ 01 tỷ đồng trở xuống, cụ thể như sau: - Tổng doanh thu năm làm căn cứ xác định doanh nghiệp thuộc đối tượng được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp là

Ngày hiệu lực:
01/01/2026

tổng doanh thu từ hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ (không bao gồm các khoản giảm trừ doanh thu), doanh thu từ hoạt động tài chính và thu nhập khác trên Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ tính thuế năm trước liền kề;

- Trường hợp doanh nghiệp có thời gian hoạt động của kỳ tính thuế năm trước liền kề dưới 12 tháng thì tổng doanh thu kỳ tính thuế năm trước liền kề được xác định bằng tổng doanh thu thực tế trong kỳ tính thuế đó chia cho số tháng doanh nghiệp thực tế hoạt động sản xuất, kinh doanh trong kỳ tính thuế nhân với 12 tháng. Trường hợp doanh nghiệp mới thành lập, doanh nghiệp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, chuyển đổi hình thức sở hữu, hợp nhất, sáp nhập, chia, tách trong tháng bất kỳ của kỳ tính thuế năm trước liền kề thì thời gian hoạt động được tính đủ tháng;

- Trường hợp doanh nghiệp mới thành lập trong kỳ tính thuế và dự kiến tổng doanh thu trong kỳ tính thuế không quá 01 tỷ đồng thì doanh nghiệp không phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp. Kết thúc kỳ tính thuế, trường hợp tổng doanh thu thực tế trong kỳ tính thuế vượt mức 01 tỷ

đồng thì doanh nghiệp thực hiện kê khai, quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định và không phải tính tiền chậm nộp;

- Quy định miễn thuế tại khoản này không áp dụng đối với doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam là công ty con hoặc công ty có quan hệ liên kết mà doanh nghiệp trong quan hệ liên kết không phải là doanh nghiệp đáp ứng điều kiện miễn thuế quy định tại khoản này.

NGÀY 30/04/2026

KHÔNG CÓ VĂN BẢN QUAN TRỌNG